

Bản tin chứng khoán

Trong số này

Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường

Ngày	Vnindex	CK tăng giá	CK giảm giá	CK đứng giá
5/20	15.73	128	211	68
5/19	9.81	138	204	65
5/18	(6.02)	104	236	67
5/17	(7.66)	113	235	59
5/14	4.37	162	177	68
5/13	(7.10)	120	223	64

■ CK tăng giá ■ CK giảm giá ■ CK đứng giá

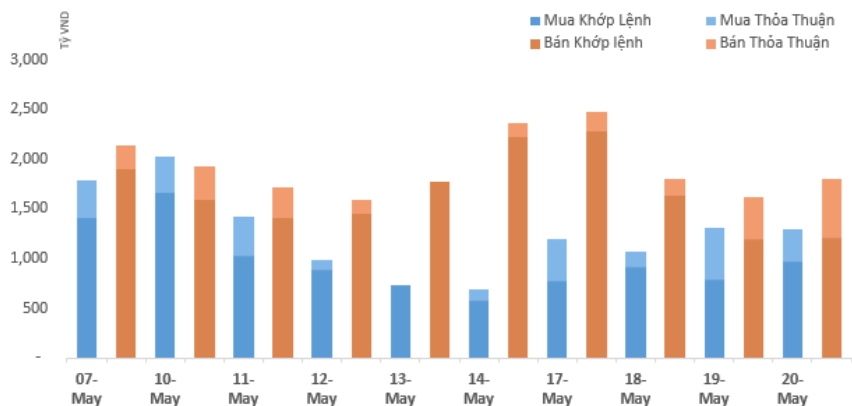
Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

HPG	115.3
THD	66.8
VHM	36.7
MSN	31.4
SSI	30.4
GMD	30.0
DIG	26.9
CTG	22.7
VCB	17.6
NLG	16.7
HCM	14.8
PLX	(24.9)
HDB	(31.7)
MBB	(32.4)
VNM	(38.1)
STB	(48.6)
VIC	(65.5)
NVL	(91.0)
VPB	(119.0)
KDH	(277.6)

Thị trường dao động nhẹ đầu phiên theo hướng giằng co với số cổ phiếu giảm chiếm áp đảo nhiều hơn so với nhóm cổ phiếu tăng giá. Giao dịch phiên chiều sôi động dần với chỉ số Vnindex tăng nhẹ từ 1-3 điểm và đến khi đóng cửa đã vượt lên hơn 15 điểm. Điểm đặc biệt là chỉ có vài nhóm ngành tăng mạnh còn lại hầu hết đều đi ngang hoặc thậm chí giảm. Nhóm ngành dẫn đầu trong ngày là chứng khoán với tất cả cổ phiếu trong ngành đều tăng điểm. Mức tăng trung bình lên đến 4.5% trong đó nhiều cổ phiếu tăng trần như SSI, CTS, MBS, APS Ở nhóm cổ phiếu chứng khoán có hiện tượng phân hóa rất rõ. Những cổ phiếu thuộc nhóm dẫn dắt hàng đầu thì đều có xu hướng tăng rất mạnh như SSI, VCI, HCM, VND và nhiều cổ phiếu vượt đỉnh lịch sử. Phần còn lại ở các mã nhỏ hơn chỉ tăng theo kiểu lan tỏa theo sóng ngành ngắn hạn. Tuy nhiên từ kết quả quý 1 cho thấy thì hơn 80% các công ty chứng khoán đều có kết quả khả quan so với cùng kỳ.

Nhóm ngân hàng không tăng mạnh nhưng cũng ở mức khá đặc biệt là MSB dẫn đầu tăng trần 6.9%, OCB là cổ phiếu ngân hàng tăng mạnh nhất sau MSB với 5.3% lên 25.9. Nhiều cổ phiếu ngân hàng khác cũng tăng tốt như VCB, STB, BID, ACB, CTG....

Khối ngoại trong phiên bán ròng khoảng 500 tỷ đồng trong đó nhiều nhất là các mã KDH, VPB, NVL, VIC. Phía mua ròng ghi nhận HPG(115.3 tỷ), THD(66.8 tỷ), VHM(36.7 tỷ), MSN(31.4 tỷ), SSI(30.4 tỷ). Ngoài CTG được khối ngoại mua ròng 22.7 tỷ còn lại các mã ngân hàng khác trong ngày đều bán ròng như VPB, STB, MBB, HDB.



Vnindex 1,278.22

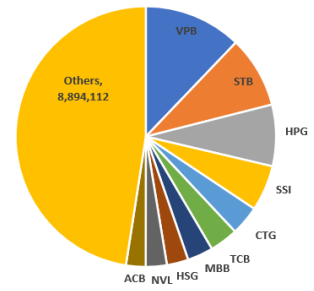
▲ +15.73 (+1.25%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
SSI	38.5	2,500	6.94
PNJ	99.3	5,800	6.20
REE	58.4	3,400	6.18
MWG	150.0	8,300	5.86
VCB	99.0	4,900	5.21
MSN	113.6	5,600	5.19
FPT	95.5	4,700	5.18
PDR	73.0	2,800	3.99
STB	29.4	900	3.16
VIC	122.9	2,800	2.33
BID	41.9	950	2.32
ACB	37.4	800	2.19
VIB	61.8	1,300	2.15
CTG	48.9	900	1.88
HDB	32.0	550	1.75
VHM	102.0	1,600	1.59
VJC	111.0	1,000	0.91
HPG	66.6	500	0.76
VNM	88.0	500	0.57
VRE	29.5	150	0.51
PLX	54.4	200	0.37
TPB	33.0	100	0.30
TCB	50.2	100	0.20
MBB	34.5	-	-
DHG	96.0	-	-
NVL	141.0	(1,000)	(0.70)
BCM	53.5	(400)	(0.74)
BVH	52.8	(400)	(0.75)
SAB	152.1	(1,400)	(0.91)
GAS	80.8	(800)	(0.98)
VPB	66.8	(700)	(1.04)
POW	11.5	(250)	(2.14)
GVR	24.7	(650)	(2.56)
HVN	25.9	(800)	(3.00)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Thị trường giao dịch khá nóng với thanh khoản vượt 21 ngàn tỷ trên sàn HOSE. Giao dịch tăng mạnh trong ngày có thể hiểu do hoạt động chốt phá sinh trong hai phiên cuối tuần và có thể thấy rõ rệt chỉ số đã được kéo mạnh về cuối phiên – đặc biệt là ở các mã blue chip. Chỉ số VN30 đã vượt lên đỉnh lịch sử 1424, tốc độ tăng trưởng của chỉ số VN30 nhanh hơn so với Vnindex trong các phiên vừa qua. Điều này cũng phản ảnh đúng ở nhóm midcap và penny có tốc độ tăng chậm hơn so với nhóm blue chip.

Chúng tôi vẫn giữ quan điểm thị trường tích cực theo hướng tịnh tiến đi lên vì vậy các nhịp giảm là cơ hội để nhà đầu tư tích lũy cổ phiếu giá rẻ. Chúng tôi tiếp tục ưu tiên nắm giữ nhóm cổ phiếu ngân hàng, thép, phân phối trong giai đoạn hiện tại với các cổ phiếu đầu ngành như CTG, VPB, TCB, STB, OCB, ABB, NKG, HPG, HSG, PET, DGW.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
NKG	30.9	(2.8)	17	23	Nắm giữ. Mục tiêu 37	3/3/2021	62.6%
CTG	48.9	5.2	30	40	Nắm giữ. Mục tiêu 55	2/3/2021	40.1%
OCB	25.9		18	30	Mua quanh 20. Mục tiêu 28	2/3/2021	23.3%
HPG	66.6	8.3	38	50	Mua quanh 38-40. Mục tiêu 70	2/3/2021	58.6%
MWG	150.0	7.1	120	150	Mua quanh 115-120. Mục tiêu 150	2/3/2021	17.6%
STB	29.4	11.8	15	22	Nắm giữ. Mục tiêu 32	2/3/2021	63.3%
DIG	27.6	(1.6)	30	38	Nắm giữ. Mục tiêu 35	3/22/2021	-6.4%
D2D	52.9	(2.9)	52	65	Mua quanh 52-53. Mục tiêu 65	5/4/2021	1.7%
SZC	32.2	(11.8)	32	44	Mua quanh 33-34. Mục tiêu 40	5/4/2021	-3.9%
PET	19.8	(10.0)	20	25	Mua quanh 20, mục tiêu 27	5/4/2021	0.5%
KBC	30.7	(14.5)	32	46	Nắm giữ	5/4/2021	-17.0%
PNJ	96.0	5.3	75	90	Chốt lời	2/3/2021	15.8%
MBB	34.5	4.7	20	27	Chốt lời quanh 33-35	2/3/2021	42.0%
FPT	95.5	13.7	55	75	Chốt lời	2/3/2021	36.4%
VPB	66.8	2.6	30	40	Chốt lời	2/3/2021	88.2%
HSG	38.1	1.7	18	28	Chốt lời	2/3/2021	59.4%
DGW	130.0	12.6	90	120	Chốt lời	3/3/2021	30.0%

Chốt lời

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

DAH	6.15
REE	6.18
PNJ	6.20
HDC	6.24
TDH	6.59
CTS	6.71
MHC	6.82
HAX	6.83
KMR	6.90
SSI	6.94
DCL	6.97
FIT	6.98
BSI	9.40

Top tăng giá HNX

HUT	3.17
VIG	3.70
PSI	4.29
QNC	4.35
IVS	5.26
CET	5.26
CTC	5.56
SHS	5.73
VIX	5.88
NHA	5.88
BVS	6.07
MBS	6.52
TFC	8.33
APS	9.09
TKC	9.40
LDP	9.71
THS	9.81

UIC - CTCP Đầu tư phát triển nhà và Đô thị IDICO - Ngày 28/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức còn lại năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 31/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 10/6/2021.

CMX - CTCP Camimex Group - Dự kiến chốt quyền phát hành quyền mua cổ phiếu với tỷ lệ 1:1, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được mua thêm 1 cổ phiếu mới với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, tương ứng hơn 30,4 triệu cổ phiếu. Thời gian dự kiến sau khi nhận được chấp thuận của UBCKNN.

Doanh nghiệp dự kiến sẽ huy động được 304,1 tỷ đồng. Trong đó, dùng 199,1 tỷ đồng cơ cấu lại các khoản nợ vay và công nợ; dùng 105 tỷ đồng bổ sung vốn lưu động.

PLX - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – Đã phê duyệt phương án trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 24/6/2021 và thanh toán bắt đầu từ ngày 06/7/2021.

HAX - CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh - Ngày 27/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 28/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10:3 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 03 cổ phiếu mới), tương đương HAX sẽ phát hành thêm hơn 11 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

KDH - CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền – Đã thông qua việc triển khai phương án phát hành hơn 55,88 triệu cổ phiếu mới để trả cổ tức năm 2020 theo tỷ lệ 10%. Bên cạnh đó, KDH còn triển khai phát hành 8,4 triệu cổ phiếu ESOP với giá 15.000 đồng/cổ phiếu.

GIL - CTCP Sản xuất Kinh doanh và Xuất nhập khẩu Bình Thạnh - GIL dự kiến đầu tư tăng thêm tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn với tỷ lệ tăng thêm tối đa là 5% vốn điều lệ và giao cho Người đại diện pháp luật công ty thực hiện các thủ tục liên quan.

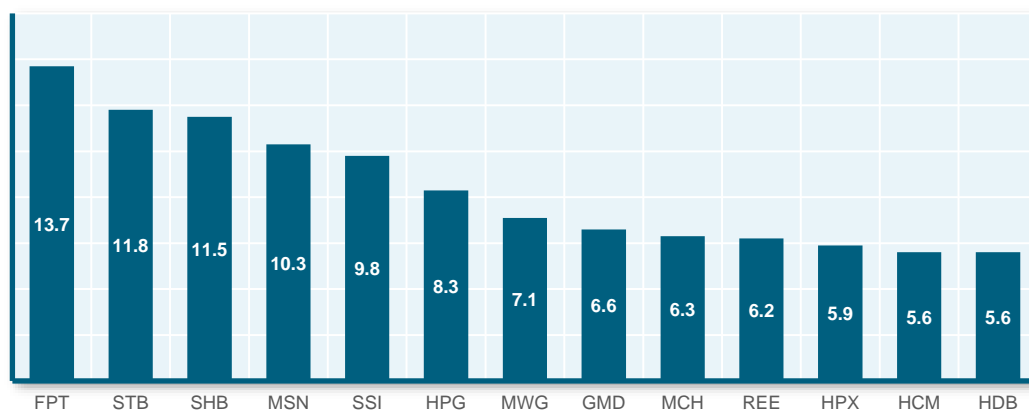
DIG - Ngày 18/5, HĐQT đã thông qua phương án triển khai phát hành 75 triệu cổ phiếu chào bán cho một số nhà đầu tư riêng lẻ, với giá chào bán 20.000 đồng/cổ phiếu.

DCL - CTCP Dược phẩm Cửu Long - Ngày 18/5, HĐQT đã có nghị quyết miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc đối với bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt và bổ nhiệm bà Vũ Thị Minh thay thế cùng ngày.

TCD - CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải - Ngày 19/5, HĐQT đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 6%, thanh toán dự kiến từ ngày 22/7/2021. Bên cạnh đó, TCD còn trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 5%, tương ứng phát hành hơn 4,11 triệu cổ phiếu.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

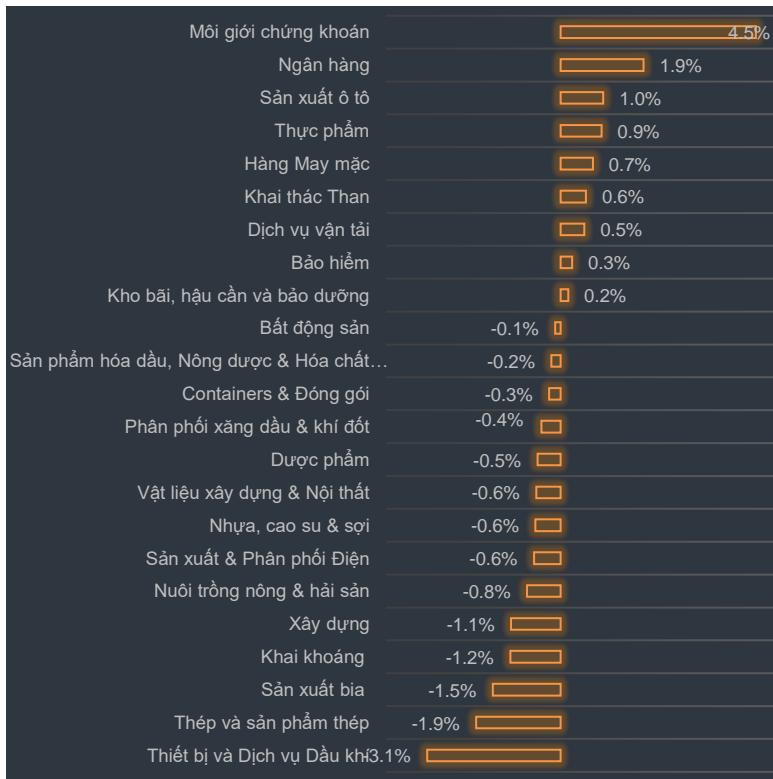
Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	HOSE	19.1	6,307,742	8.6	1.2	-	-	10,912	30.00	2,218	16,320
ACB	HOSE	37.4	12,263,200	8.5	2.1	-	-	80,842	30.00	4,419	17,547
BAB	HNX	24.8	37,309	26.4	2.1	-	-	17,571	-	939	12,064
BID	HOSE	41.9	3,495,000	19.9	2.0	12,400	361,800	168,321	16.70	2,103	20,453
CTG	HOSE	48.9	14,056,500	10.3	2.0	1,291,200	823,500	182,074	25.43	4,761	24,665
EIB	HOSE	26.0	879,500	36.5	1.9	32,700	-	31,965	29.83	713	13,822
HDB	HOSE	32.0	9,768,400	7.9	1.9	1,058,000	2,038,500	51,001	17.87	4,066	16,572
LPB	UPCOM	23.5	13,817,500	10.5	1.7	1,200	109,700	25,254	4.17	2,239	14,059
MBB	HOSE	34.5	17,314,900	8.8	1.8	195,400	1,131,000	96,557	22.52	3,912	19,196
MSB	HOSE	24.9	22,779,300	10.2	1.6	-	2,800	28,751	30.00	2,436	15,368
NVB	HNX	17.2	5,494,457	-	1.6	200	1,300	6,997	8.73	27	10,532
OCB	HOSE	25.9	11,601,200	7.8	1.5	33,000	66,500	28,384	15.00	3,341	16,848
SHB	HNX	29.0	14,644,144	14.4	2.0	6,500	13,500	55,841	3.59	2,013	14,631
SSB	HOSE	31.8	4,030,600	23.9	2.7	-	-	38,378	-	1,331	11,769
STB	HOSE	29.4	57,268,100	19.7	1.8	104,100	1,780,500	53,027	12.01	1,495	16,485
TCB	HOSE	50.2	13,171,300	12.3	2.2	325,000	325,000	175,946	23.00	4,074	22,566
TPB	HOSE	33.0	6,273,700	7.6	1.9	-	80,000	34,045	30.00	4,354	17,399
VCB	HOSE	99.0	1,904,100	17.3	3.6	501,700	320,000	367,179	23.32	5,708	27,234
VIB	HOSE	61.8	1,435,100	11.7	3.5	34,200	3,600	68,560	21.00	5,297	17,420
VPB	HOSE	66.8	34,350,700	14.4	2.9	1,000,000	2,800,900	163,977	15.00	4,628	22,811
			250,892,752	14.56	2.11	4,595,600	9,858,600	1,685,584		3,004	17,388



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	CST	UPCoM	9/6/2021	10/6/2021	29/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	SIV	UPCoM	4/6/2021	7/6/2021	21/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	NDC	UPCoM	3/6/2021	4/6/2021	23/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	SMC	HOSE	3/6/2021	4/6/2021	18/05/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	CLW	HOSE	2/6/2021	3/6/2021	19/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	TC6	HNX	1/6/2021	2/6/2021	29/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	CMD	UPCoM	1/6/2021	2/6/2021	15/06/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	GDW	HNX	28/05/2021	31/05/2021	15/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	UIC	HOSE	28/05/2021	31/05/2021	10/6/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	DTT	HOSE	28/05/2021	31/05/2021	20/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	DPC	HNX	28/05/2021	31/05/2021	15/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	PTP	UPCoM	28/05/2021	31/05/2021	11/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	TOT	UPCoM	28/05/2021	31/05/2021	15/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	KGM	UPCoM	28/05/2021	31/05/2021	7/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 830 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	CTW	UPCoM	28/05/2021	31/05/2021	26/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 688 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	HPU	UPCoM	28/05/2021	31/05/2021	15/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	NTH	HNX	27/05/2021	28/05/2021	16/06/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	VHL	HNX	27/05/2021	28/05/2021	6/7/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	APF	UPCoM	27/05/2021	28/05/2021	11/6/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 3,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	PHN	HNX	26/05/2021	27/05/2021	10/6/2021	Trả cổ tức đợt 3/2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	PHN	HNX	26/05/2021	27/05/2021	10/6/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	BMN	UPCoM	25/05/2021	26/05/2021	18/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	CMK	UPCoM	25/05/2021	26/05/2021	14/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	PEN	HNX	25/05/2021	26/05/2021	24/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	IBD	UPCoM	25/05/2021	26/05/2021	10/6/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 201 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	EVE	HOSE	24/05/2021	25/05/2021	2/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	HNI	UPCoM	24/05/2021	25/05/2021	7/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 4,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	TNP	UPCoM	24/05/2021	25/05/2021	4/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản: TDH, HDC, DIG

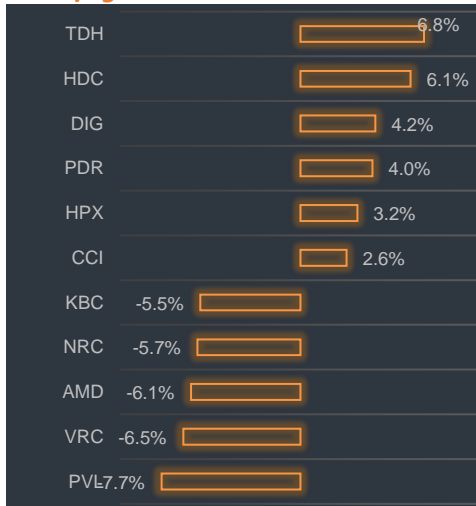
Xây dựng: TKC, TGG, EVG

Dầu khí: TDG, PGD, PGS

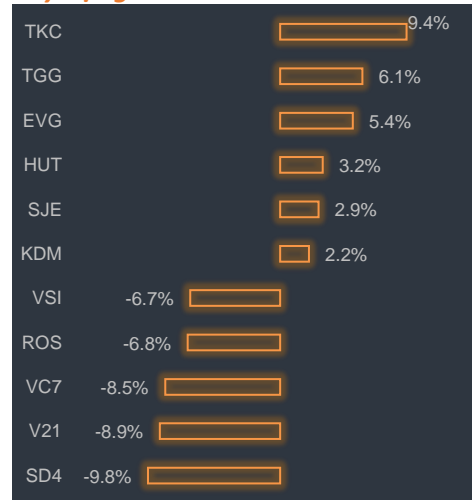
Chứng khoán: APS, SSI, CTS

Ngân hàng: MSB, OCB, VCB

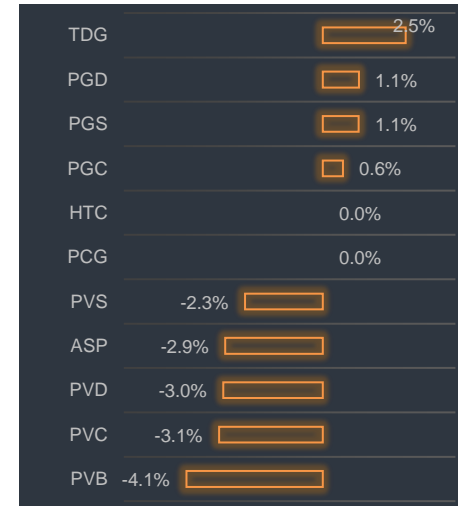
Bất động sản



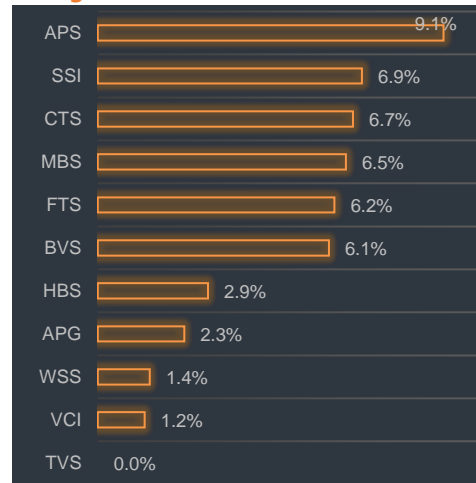
Xây dựng



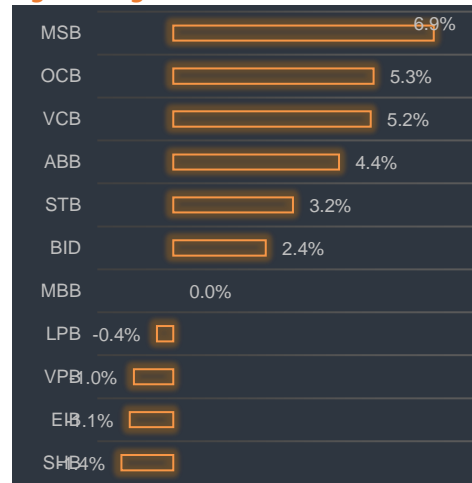
Dầu khí



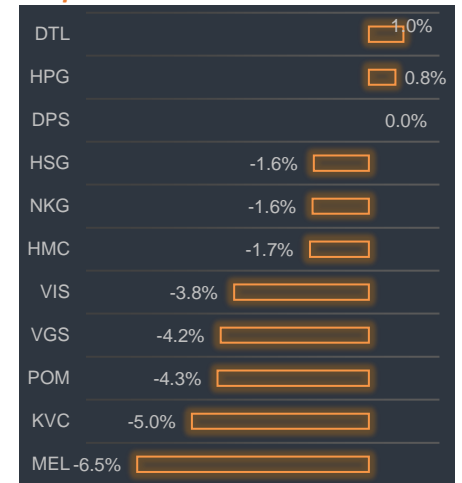
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép



Tổng hợp kế hoạch kinh doanh nhóm ngân hàng

Cổ phiếu	Kế hoạch 2021	VDL (tỷ VND)	LN 2020 (tỷ VND)	EPS	Lợi nhuận Q1.2021	Lợi Nhuận 2020.Q1	yoy
BID	Tăng trưởng huy động vốn phù hợp với sử dụng vốn, dự kiến tăng trưởng 12%-15%. Tăng trưởng dư nợ tín dụng năm 2021 của BIDV dự kiến tăng trưởng 10%-12%; tỷ lệ nợ xấu kiểm soát không vượt 1,6%. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất dự kiến đạt 13.000 tỷ đồng, tăng hơn 40% so với năm 2020. Chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 12,2%	40,220	9,026	2,137	3,250	1,814	79%
CTG	Kế hoạch tăng trưởng dư nợ tín dụng 6-12%, vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư phù hợp với sử dụng vốn dự kiến 8-12%. năm 2021, Ngân hàng đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận từ 10 - 20%, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%. VietinBank lấy ý kiến cổ đông tăng vốn điều lệ lên 48.000 tỷ đồng thông qua phát hành hơn 1 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức, tương đương tỷ lệ gần 28,8%	37,234	17,085	4,640	7,500	2,974	152%
VCB	Vietcombank được NHNN giao hạn mức tăng trưởng tín dụng 10,5% và có thể tăng khoảng 14%, cao nhất trong khối ngân hàng quốc doanh (chỉ khoảng 6 - 7,5%). Kế hoạch LN trước thuế năm 2021 khoảng 25,200 tỷ	37,089	23,050	5,354	7,000	5,223	34%
TCB	Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm nay là 19.800 tỷ đồng, tăng 25,3% so với kết quả năm 2020. Dư nợ tín dụng dự kiến đạt gần 356.200 tỷ đồng, tăng trưởng ít nhất 12%. Giá trị huy động vốn (bao gồm chứng chỉ tiền gửi cho khách hàng cá nhân) dự kiến đạt 334.291 tỷ đồng, tăng trưởng ít nhất 14,7%.	35,049	15,800	4,264	6,000	3,121	92%
MBB	Năm 2021, MB đặt mục tiêu tăng lợi nhuận 25 – 30%, tương đương 14.610 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng riêng lẻ tại thời điểm cuối quý 1 khoảng 1,14%, so với mức 1,46% cùng kỳ. Tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu gần 150% (tức là 100 đồng nợ xấu thì ngân hàng dự phòng gần 150 đồng).	27,988	10,688	3,742	4,600	2,196	109%
VPB	Thương vụ thoái vốn khỏi FE Credit của VPBank có thể được hoàn thành trong nửa đầu trong năm 2021 với mức định giá cổ phiếu vào khoảng 3 - 4 lần giá trị sổ sách. Việc bán 49% vốn tại FE Credit sẽ mang về khoản lãi sau thuế 21.000 tỷ đồng. Số tiền này không được ghi nhận như một khoản thu nhập trong kết quả kinh doanh nhưng sẽ làm gia tăng nguồn vốn tự có và giảm chi phí vốn bình quân cho VPBank.	25,300	13,019	4,461	4,000	2,911	37%
ACB	ACB đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 9% và tăng vốn điều lệ lên 27.019 tỷ đồng thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25%. tổng tài sản tăng 10%, tiền gửi khách hàng và tín dụng đều tăng 9%. Lợi nhuận sau thuế dự kiến là 8.482 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%.	21,616	9,596	3,986	3,100	1,925	61%

HDB	HDBank (HDB) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 7.281 tỷ đồng, tăng 25% so với năm trước. Tổng tài sản dự kiến tăng 25% đạt 399.320 tỷ đồng, trong đó dư nợ tín dụng tăng 26% đạt 236.758 tỷ đồng, và tổng huy động vốn tăng 25% lên 359.851 tỷ đồng. Ngân hàng cũng trình kế hoạch tăng vốn điều lệ thêm hơn 4.200 qua chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 25%. Ngân hàng sẽ trình xin ý kiến các cổ đông về việc chấm dứt việc sáp nhập với PGBank	16,088	5,818	3,042	1,550	1,251	24%
SSB	SeABank (SSB) đặt mục tiêu lãi trước thuế 2.414 tỷ đồng, tăng 40% so với thực hiện năm trước. Tổng tài sản đến cuối năm lên kế hoạch tăng 10%, đạt 198.229 tỷ đồng. Huy động tiền gửi của khách hàng ở mức 124.277 tỷ đồng, dư nợ cho vay khách 122.978 tỷ đồng, lần lượt tăng 9,7% và 13%. Tỷ lệ nợ xấu dự kiến duy trì dưới 3%.	12,087	1,729	1,402	698	309	126%
MSB	kế hoạch kinh doanh năm 2021 lợi nhuận trước thuế đạt 3.280 tỷ đồng, tăng 30%. Tổng tài sản tính đến cuối năm 2021 mục tiêu đạt 190.000 tỷ đồng, tăng 8%. Trong đó, dư nợ tín dụng đạt 106.208 tỷ đồng, tăng 125%. Vốn huy động tại thị trường I và trái phiếu huy động vốn đạt 114.105 tỷ đồng, tăng 15%. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 3%.	11,750	2,523	2,338	1,200	290	314%
VIB	VIB đặt kế hoạch tăng trưởng tổng tài sản 26%, đưa tài sản của ngân hàng lên trên 300.000 tỷ đồng. Dư nợ tín dụng lên 225.000 tỷ đồng, tương đương 31%. Mục tiêu lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 29%, lên trên 7.500 tỷ đồng. VIB dự kiến tăng vốn bằng hình thức chia cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu 40% và dự kiến phát hành chào bán cổ phiếu. Vốn điều lệ dự kiến sau các phương án tăng vốn này là khoảng 16.000 tỷ đồng,	11,094	5,803	4,706	1,800	1,075	67%
OCB	Ngân hàng xác định mục tiêu tăng trưởng tổng tài sản khoảng 25% và lợi nhuận tăng 30% khoảng trên 5700 tỷ. Mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 20%. Tiếp tục bán vốn cho NĐTNN. Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại OCB là 20,13% trong khi room ngoại của ngân hàng đang được khoá ở ngưỡng 22%.	10,959	4,419	3,349	1,275	1,107	15%
TPB	TPBank (HoSE: TPB) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 5.500 tỷ đồng, tăng 25% so với thực hiện năm trước. Tổng tài sản lên kế hoạch tăng 21% ở mức 250.000 tỷ đồng. Tổng huy động đặt mục tiêu tăng 20% lên 221.893 tỷ đồng. Dự nợ cho vay và trái phiếu tổ chức kinh tế lên mục tiêu tăng 25% lên 165.434 tỷ đồng, tùy thuộc vào mức Ngân hàng Nhà nước cho phép. Tỷ lệ nợ xấu kế hoạch duy trì dưới 2%.	10,717	4,389	3,568	1,400	1,009	39%

EPS: Cập nhật đến Q1.2021



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931